

Bản án số: 03/2024/HC-PT

Ngày 10/12/2024

“V/v: Khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung.

- *Các thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Hương, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án Hành chính thụ lý số: 02/2024/TLPT-HC ngày 03/10/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do người khởi kiện kháng cáo, đối với bản án hình chính sơ thẩm số: 04/2024/HC-ST ngày 27/6/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐ-PT ngày 04/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐ-PT ngày 25/11/2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Trần Thị Thu H;

Địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công H1;

Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:

Năm 2010, bà Trần Thị Thu H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 306, tờ bản đồ số 3, tại phường T, thành phố B của bà Tạ Thị H2. Ngày 10/6/2010, UBND thành phố B đã chính lý biến động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BB 776094 cho bà Trần Thị Thu H, diện tích được cấp là 72,8m², mục đích sử dụng đất ở đô thị. Trên cơ sở đó, bà Trần Thị Thu H đã xây nhà trên một phần thửa đất, còn lại thì làm sân, tháng 11/2023 bà Trần Thị Thu H làm lại một phần sân và có dựng thêm hàng rào ngăn cách với thửa đất bên cạnh.

Ngày 07/12/2023, bà Trần Thị Thu H nhận được Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 04/12/2023 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 của Chủ tịch UBND phường T, người khởi kiện cho rằng việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dựng tường rào trong phạm vi đất dành cho đường bộ là không đúng, bởi lẽ:

+ Bà Trần Thị Thu H đang sử dụng phần đất đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ, với mục đích là đất ở đô thị, mặc dù vị trí xây dựng hàng rào trong chỉ giới quy hoạch giao thông nhưng quyền sử dụng đất chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra thông báo thu hồi. Việc bà H làm một phần sân và dựng hàng rào ngăn cách với thửa đất liền kề không ảnh hưởng đến giao thông của đường N, hiện thửa đất bên cạnh cũng xây dựng hàng rào ra đến giáp đường N.

+ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC xác định bà H xây hàng rào bằng khung sắt có đế bằng bê tông là không đúng, phần bê tông có diện tích 1,72m² là phần sân chứ không phải móng, phần bê tông nằm ở phía bên trong (hàng rào sắt chắn bên ngoài). Ngoài ra, sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bà Trần Thị Thu H gắn thêm 01 khung tôn sắt (ngang 1,13m x cao 2,53m) vào hàng rào nêu trên.

+ Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC, Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC. Tuy nhiên, biên bản này được lập sau 5 ngày kể từ thời điểm phát hiện bà Trần Thị Thu H xây dựng là không đúng.

Vì vậy, bà Trần Thị Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 của Chủ tịch UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người khởi kiện xác định đã nhận được biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các thông báo của UBND phường T; thông nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 27/11/2023, UBND phường T nhận được phản ánh của Tổ trưởng Tổ dân phố 13 và đơn của ông Nguyễn Văn T, trú tại số nhà A đường N về việc bà Trần Thị Thu H xây dựng tường rào trên vỉa hè. Vào lúc 14 giờ 00 ngày 27/11/2023, UBND phường phối hợp cùng Tổ trưởng Tổ dân phố 13 và Cảnh sát khu vực kiểm tra, ghi nhận hiện trạng việc xây dựng tường rào của bà Trần Thị

Thu H tại địa chỉ số A đường N, tổ dân phố A, phường T, thành phố B. Tại buổi làm việc ghi nhận hiện trạng cụ thể như sau: Bà Trần Thị Thu H đã dựng hàng rào khung sắt (dài 3,13m x cao 1,4m), phần đổ bê tông với diện tích $[3,13m \times (0,3m + 0,8m) / 2] = 1,72m^2$; vị trí mép ngoài hàng rào sắt cách tim đường hiện trạng đường N (quy hoạch 16m) là 4,5m; vị trí xây dựng hàng rào nằm trong lộ giới quy hoạch đường N với diện tích vi phạm là $1,72m^2$. Tại buổi làm việc, bà Trần Thị Thu H không có mặt tại nhà.

Ngày 29/11/2023, UBND phường T ra Thông báo số 103/TB-UBND yêu cầu bà Trần Thị Thu H có mặt tại trụ sở UBND phường vào lúc 14 giờ 00 ngày 30/11/2023, để tiến hành xử lý vi phạm nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Ngày 01/12/2023, UBND phường ra Thông báo lần 2 yêu cầu bà H có mặt tại trụ sở UBND phường vào lúc 14 giờ 00 ngày 04/12/2023, để xử lý vi phạm nhưng bà H tiếp tục vắng mặt.

Ngày 04/12/2023, UBND phường phối hợp cùng Tổ trưởng Tổ dân phố 13, Cảnh sát khu vực lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà H, về hành vi “*Dựng tường rào trong phạm vi đất dành cho đường bộ*” tại vị trí tiếp giáp thửa đất 306, tờ bản đồ 03 (nhà số A N) và thửa đất 27, tờ bản đồ 02 (nhà số A N), theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Ngày 06/12/2023, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC, xử phạt bà Trần Thị Thu H với số tiền phạt 2.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm gây ra.

Người bị kiện xác định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và nội dung của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC đúng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 38, Điều 58, Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 và điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc kỹ thuật và xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 08/7/2024, người khởi kiện là bà Trần Thị Thu H, có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá về yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện và khẳng định quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo người khởi kiện bà Trần Thị Thu H là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thu H; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thu H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, HĐXX xét thấy:

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định về Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 đối với bà Trần Thị Thu H, là đúng thẩm quyền theo quy định.

Về trình tự ban hành quyết định: Ngày 27/11/2023, UBND phường T phát hiện sự việc và lập biên bản làm việc kiểm tra, ghi nhận hiện trạng quản lý đô thị đối với hành vi xây dựng hàng rào trên vỉa hè tại số nhà A N, phường T của bà Trần Thị Thu H, tại buổi làm việc bà H vắng mặt. Ngày 29/11/2023 và ngày 01/12/2023, UBND phường T ra thông báo 02 lần mời bà H đến trụ sở UBND phường làm việc đối với hành vi xây dựng hàng rào trái phép trên đất dành cho đường bộ nhưng tại 02 buổi làm việc bà H đều vắng mặt. Ngày 04/12/2023, UBND phường T phối hợp cùng Tổ trưởng Tổ dân phố 13, Cảnh sát khu vực lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà Trần Thị Thu H, về hành vi “*Dựng tường rào trong phạm vi đất dành cho đường bộ*”. Căn cứ Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính thì “*Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng,*

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.”. Hành vi xây dựng hàng rào trên đất dành cho đường bộ của bà H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân trong khu vực, cản trở việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ, nên UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 04/12/2023 là đúng thời hạn 05 ngày làm việc theo quy định.

Về nội dung: Nội dung ghi nhận hiện trạng việc xây dựng hàng rào của bà H tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 04/12/2023 phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Theo kết quả Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 20/02/2024 và ngày 03/5/2024 của Công ty TNHH Đ, có thể xác định được vị trí xây dựng tường rào nằm trong hành lang an toàn đường bộ, gây cản trở cho hoạt động bảo vệ an toàn công trình đường bộ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật giao thông đường bộ thì bà H được quyền sử dụng đất theo đúng mục đích đã được cấp tại giấy chứng nhận QSD đất nhưng không được cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thu H. Cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí hành chính sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thu H.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 266/QĐ-XPHC ngày 06/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Về chi phí đo đạc kỹ thuật và xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 2.776.000 đồng chi phí đo đạc và 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (số tiền này bà Trần Thị Thu H đã nộp và Tòa án chi phí xong).

3/ Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Phạm Công H1 đã

nộp thay bà Trần Thị Thu H tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0013231 ngày 18/7/2024.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung